

quan điểm về cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cuộc sống gia đình vì thế rơi vào trạng thái căng thẳng kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Thắng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị L xin ly hôn với ông Nguyễn Minh T có địa chỉ tại 29/1 Nhất Chi Mai, phường TB, Thành phố Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại phường TB nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2025 do Ủy ban nhân dân phường TA, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2025 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp,

phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Thắng, vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Thắng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến Tòa án để hòa giải chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Lê. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê và ông Thắng đã thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê là có căn cứ.

Về con chung: Bà Lê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Bà Lê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007974 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND KV4-TP.HCM;
- Phòng THADS KV4-TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường TA, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân